Flashcardo.com

We hope these printable flashcards will be useful for you. To find even more flashcard products, go to our website www.flashcardo.com. On Flashcardo.com we provide online flashcards, spaced repition flashcards, video flashcards and much more. All free and ready to be used by learners around the world.

Copyright, License Notes

This PDF is protected under copyright law and all rights are reserved. You are free to share this PDF with anyone. However, you are not allowed to sell this PDF or its content. If you have any questions, please go to www.flashcardo.com to get in touch with us. Thank you!

Disclaimer of Liability

THIS PDF IS PROVIDED "AS IS", WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EXPRESSED OR IMPLIED, INCLUDING BUT NOT LIMITED TO THE WARRANTIES OF MERCHANTABILITY, FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE AND NONINFRINGEMENT. IN NO EVENT SHALL THE AUTHORS OR COPYRIGHT HOLDERS BE LIABLE FOR ANY CLAIM, DAMAGES OR OTHER LIABILITY, WHETHER IN AN ACTION OF CONTRACT, TORT OR OTHERWISE, ARISING FROM, OUT OF OR IN CONNECTION WITH THE PDF OR THE USE OR OTHER DEALINGS IN THE PDF.

Copyright © 2024 Flashcardo.com. All Rights Reserved

I tôi	you singular bạn	he anh ấy
she cô ấy	it nó	we chúng tôi / chúng ta
you plural các bạn	they họ	what cái gì
who ai	where ở đâu	why tại sao

how --- làm sao	which --- cái nào	when --- lúc nào
then --- sau đó	if --- nếu	really --- thật sự
but --- nhưng	because --- bởi vì	not --- không
this --- này	I need this --- Tôi cần cái này	How much is this? --- Cái này giá bao nhiêu?

that đó	all tất cả	or hoặc
and và	to know biết	I know Tôi biết
I don't know Tôi không biết	to think nghĩ	to come đến
to put đặt	to take lấy	to find tìm

to listen nghe	to work làm việc	to talk nói chuyện
to give somebody something cho	to like thích	to help giúp đỡ
to love yêu	to call gọi	to wait chờ đợi
I like you Tôi thích bạn	I don't like this Tôi không thích cái này	Do you love me? Bạn có yêu tôi không?

I love you Tôi yêu bạn	0 không	1 một
2 hai	3 ba	4 bốn
5 năm	6 sáu	7 bảy
8 tám	9 chín	10 mười

© 2024 Flashcardo.com

www.flashcardo.com

11 mười một	12 mười hai	13 mười ba
14 mười bốn	15 mười năm	16 mười sáu
17 mười bảy	18 mười tám	19 mười chín
20 hai mươi	new mới	old not new cũ

few ít	many nhiều	how much? bao nhiêu?
how many? bao nhiêu?	wrong sai	correct chính xác
bad xấu	good tốt	happy hạnh phúc
short length ngắn	long dài	small nhỏ

big lớn	there đó	here đây
right phải	left trái	beautiful xinh đẹp
young trẻ	old not young già	hello xin chào
see you later hẹn gặp lại	ok được	take care bảo trọng nhé

don't worry đừng lo	of course tất nhiên	good day chúc ngày tốt lành
hi chào	bye bye bái bai	good bye tạm biệt
excuse me xin làm phiền	sorry xin lỗi	thank you cảm ơn bạn
please làm ơn	I want this Tôi muốn cái này	now bây giờ

© 2024 Flashcardo.com

afternoon buổi chiều	morning 9:00-11:00 buổi sáng	night ban đêm
morning 6:00-9:00 buổi sáng	evening buổi tối	noon buổi trưa
midnight nửa đêm	hour giờ	minute phút
second time giây	day ngày	week tuần

month tháng	year năm	time thời gian
date time ngày tháng	the day before yesterday ngày hôm kia	yesterday hôm qua
today hôm nay	tomorrow ngày mai	the day after tomorrow ngày kia
Monday thứ hai	Tuesday thứ ba	Wednesday thứ tư

Thursday thứ năm	Friday thứ sáu	Saturday thứ bảy
Sunday chủ nhật	Tomorrow is Saturday Ngày mai là thứ bảy	life cuộc đời
woman đàn bà	man đàn ông	love tình yêu
boyfriend bạn trai	girlfriend bạn gái	friend bạn

© 2024 Flashcardo.com

kiss hôn	sex tình dục	child trẻ em
baby em bé	girl con gái	boy con trai
mum mẹ	dad ba	mother má
father cha	parents cha mẹ	son con trai

© 2024 Flashcardo.com

daughter con gái	little sister em gái	little brother em trai
big sister chị gái	big brother anh trai	to stand đứng
to sit ngồi	to lie nằm xuống	to close đóng
to open e.g. a door mở	to lose thua	to win thắng

to die chết	to live sống	to turn on bật
to turn off tắt	to kill giết	to injure làm bị thương
to touch chạm	to watch xem	to drink uống
to eat ăn	to walk đi bộ	to meet gặp

© 2024 Flashcardo.com

to bet đặt cược	to kiss hôn	to follow đi theo
to marry cưới	to answer trả lời	to ask hỏi
question câu hỏi	company công ty	business kinh doanh
job việc làm	money tiền	telephone điện thoại

© 2024 Flashcardo.com

office văn phòng	doctor bác sĩ	hospital bệnh viện
nurse y tá	policeman cảnh sát	president of a state tổng thống
white màu trắng	black màu đen	red màu đỏ
blue màu xanh da trời	green màu xanh lá cây	yellow màu vàng

slow chậm	quick nhanh	funny vui vẻ
unfair không công bằng	fair công bằng	difficult khó
easy dễ	This is difficult Cái này khó	rich giàu
poor nghèo	strong khỏe	weak yếu

© 2024 Flashcardo.com

safe adjective an toàn	tired mệt mỏi	proud tự hào
full from eating no bụng	sick bệnh	healthy khỏe mạnh
angry tức giận	low thấp	high cao
straight line thẳng	every mỗi / mọi	always luôn luôn

actually thực ra	again lần nữa	already đã
less ít hơn	most phần lớn	more nhiều hơn
I want more Tôi muốn nhiều hơn	none không có	very rất
animal động vật	pig con lợn	cow con bò

horse con ngựa	dog con chó	sheep con cừu
monkey con khỉ	cat con mèo	bear con gấu
chicken animal con gà	duck con vịt	butterfly con bướm
bee con ong	fish animal con cá	spider con nhện

snake con rắn	outside ở ngoài	inside ở trong
far xa	close gần	below bên dưới
above bên trên	beside bên cạnh	front phía trước
back position phía sau	sweet ngọt	sour chua

strange lạ	soft mềm	hard cứng
cute đáng yêu	stupid ngu ngốc	crazy điên khùng
busy bận rộn	tall cao	short height thấp
worried lo lắng	surprised ngạc nhiên	cool ngầu

well-behaved cư xử tốt	evil ác độc	clever khéo léo
cold adjective lạnh	hot temperature nóng	head đầu
nose mũi	hair tóc	mouth miệng
ear tai	eye mắt	hand bàn tay

foot bàn chân	heart tim	brain não
to pull ... open kéo	to push ... open đẩy	to press a button ấn
to hit đánh	to catch bắt	to fight chiến đấu
to throw ném	to run chạy	to read đọc

© 2024 Flashcardo.com

to write viết	to fix sửa chữa	to count đếm
to cut cắt	to sell bán	to buy mua
to pay trả	to study học	to dream mơ
to sleep ngủ	to play chơi	to celebrate ăn mừng

© 2024 Flashcardo.com

to rest nghỉ ngơi	to enjoy thưởng thức	to clean dọn dẹp
school trường học	house nhà ở	door cửa
husband chồng	wife vợ	wedding đám cưới
person người	car xe hơi	home nhà

© 2024 Flashcardo.com

city thành phố	number số	21 hai mươi mốt
22 hai mươi hai	26 hai mươi sáu	30 ba mươi
31 ba mươi mốt	33 ba mươi ba	37 ba mươi bảy
40 bốn mươi	41 bốn mươi mốt	44 bốn mươi bốn

48 bốn mươi tám	50 năm mươi	51 năm mươi mốt
55 năm mươi lăm	59 năm mươi chín	60 sáu mươi
61 sáu mươi mốt	62 sáu mươi hai	66 sáu mươi sáu
70 bảy mươi	71 bảy mươi mốt	73 bảy mươi ba

© 2024 Flashcardo.com

www.flashcardo.com

77 bảy mươi bảy	80 tám mươi	81 tám mươi mốt
84 tám mươi bốn	88 tám mươi tám	90 chín mươi
91 chín mươi mốt	95 chín mươi lăm	99 chín mươi chín
100 một trăm	1000 một nghìn	10.000 mười nghìn

100.000 --- một trăm nghìn	1.000.000 --- một triệu	my dog --- con chó của tôi
your cat --- con mèo của bạn	her dress --- váy của cô ấy	his car --- xe của anh ấy
its ball --- quả bóng của nó	our home --- nhà của chúng tôi	your team --- đội của bạn
their company --- công ty của họ	everybody --- mọi người	together --- cùng nhau

other khác	doesn't matter không thành vấn đề	cheers chúc mừng
relax thư giãn đi	I agree tôi đồng ý	welcome chào mừng
no worries không phải lo	turn right rẽ phải	turn left rẽ trái
go straight đi thẳng	Come with me Hãy đi với tôi	egg trứng

© 2024 Flashcardo.com

www.flashcardo.com

cheese phô mai	milk sữa	fish to eat cá
meat thịt	vegetable rau	fruit trái cây
bone food xương	oil dầu	bread bánh mì
sugar đường	chocolate sô cô la	candy kẹo

cake bánh bông lan	drink đồ uống	water nước
soda nước soda	coffee cà phê	tea trà
beer bia	wine rượu nho	salad sa lát
soup súp	dessert món tráng miệng	breakfast bữa ăn sáng

© 2024 Flashcardo.com

lunch bữa trưa	dinner bữa tối	pizza pizza
bus xe buýt	train xe lửa	train station ga xe lửa
bus stop trạm dừng xe buýt	plane máy bay	ship tàu
lorry xe tải	bicycle xe đạp	motorcycle xe mô tô

taxi xe taxi	traffic light đèn giao thông	car park bãi đậu xe
road đường	clothing quần áo	shoe giày dép
coat áo choàng	sweater áo len	shirt áo sơ mi
jacket áo khoác	suit âu phục	trousers quần dài

dress đầm	T-shirt áo phông	sock bít tất
bra áo ngực	underpants quần lót	glasses kính
handbag túi xách	purse ví tiền	wallet ví
ring nhẫn	hat mũ	watch đồng hồ đeo tay

pocket túi	What's your name? Bạn tên gì?	My name is David Tên của tôi là David
I'm 22 years old Tôi 22 tuổi	How are you? Bạn có khoẻ không?	Are you ok? Bạn có ổn không?
Where is the toilet? Nhà vệ sinh ở đâu vậy?	I miss you Tôi nhớ bạn	spring mùa xuân
summer mùa hè	autumn mùa thu	winter mùa đông

January tháng một	February tháng hai	March tháng ba
April tháng tư	May tháng năm	June tháng sáu
July tháng bảy	August tháng tám	September tháng chín
October tháng mười	November tháng mười một	December tháng mười hai

shopping mua sắm	bill hóa đơn	market chợ
supermarket siêu thị	building tòa nhà	apartment căn hộ
university trường đại học	farm nông trại	church nhà thờ
restaurant nhà hàng	bar quán bar	gym phòng thể dục

© 2024 Flashcardo.com

park công viên	toilet public nhà vệ sinh	map bản đồ
ambulance xe cứu thương	police cảnh sát	gun súng
firefighters lính cứu hỏa	country quốc gia	suburb ngoại ô
village ngôi làng	health sức khỏe	medicine dược phẩm

© 2024 Flashcardo.com

accident tai nạn	patient bệnh nhân	surgery phẫu thuật
pill viên thuốc	fever sốt	cold sickness cảm lạnh
wound vết thương	appointment cuộc hẹn	cough ho
neck cổ	bottom mông	shoulder vai

knee đầu gối	leg chân	arm tay
belly bụng	bosom ngực	back part of body lưng
tooth răng	tongue lưỡi	lip môi
finger ngón tay	toe ngón chân	stomach dạ dày

lung phổi	liver gan	nerve dây thần kinh
kidney thận	intestine ruột	colour màu sắc
orange colour màu cam	grey màu xám	brown màu nâu
pink màu hồng	boring nhàm chán	heavy nặng

light weight nhẹ	lonely cô đơn	hungry đói bụng
thirsty khát nước	sad buồn	steep dốc
flat bằng phẳng	round tròn	square adjective vuông
narrow hẹp	broad rộng	deep sâu

shallow nông	huge lớn	north bắc
east đông	south nam	west tây
dirty bẩn	clean sạch sẽ	full not empty đầy
empty trống rỗng	expensive đắt	cheap rẻ

dark tối	light colour sáng	sexy quyến rũ
lazy lười biếng	brave dũng cảm	generous hào phóng
handsome đẹp trai	ugly xấu xí	silly ngớ ngẩn
friendly thân thiện	guilty tội lỗi	blind mù

drunk say	wet ướt	dry khô
warm ấm áp	loud ồn ào	quiet yên tĩnh
silent im lặng	kitchen nhà bếp	bathroom phòng tắm
living room phòng khách	bedroom phòng ngủ	garden vườn

© 2024 Flashcardo.com

garage gara	wall tường	basement tầng hầm
toilet at home nhà vệ sinh	stairs cầu thang	roof mái nhà
window building cửa sổ	knife dao	cup for hot drinks tách
glass ly	plate đĩa	cup for cold drinks cốc

garbage bin thùng rác	bowl tô	TV set bộ tivi
desk bàn	bed giường	mirror gương
shower vòi hoa sen	sofa ghế sô pha	picture ảnh
clock đồng hồ	table bàn	chair ghế

© 2024 Flashcardo.com

swimming pool
garden

hồ bơi

bell

chuông

neighbour

hàng xóm

to fail

thất bại

to choose

chọn

to shoot

bắn

to vote

bình chọn

to fall

rơi xuống

to defend

bảo vệ

to attack

tấn công

to steal

trộm

to burn

đốt

© 2024 Flashcardo.com

to rescue cứu	to smoke hút thuốc	to fly bay
to carry mang theo	to spit khạc nhổ	to kick đá
to bite cắn	to breathe thở	to smell ngửi
to cry khóc	to sing hát	to smile cười mỉm

to laugh cười	to grow lớn lên	to shrink co lại
to argue tranh luận	to threaten đe dọa	to share chia sẻ
to feed cho ăn	to hide trốn	to warn cảnh báo
to swim bơi	to jump nhảy	to roll lăn

© 2024 Flashcardo.com

to lift nâng	to dig đào	to copy sao chép
to deliver giao hàng	to look for tìm kiếm	to practice luyện tập
to travel đi du lịch	to paint vẽ	to take a shower tắm vòi sen
to open unlock mở	to lock khóa	to wash rửa

to pray cầu nguyện	to cook nấu ăn	book sách
library thư viện	homework bài tập về nhà	exam bài thi
lesson bài học	science khoa học	history lịch sử
art nghệ thuật	English tiếng Anh	French tiếng Pháp

© 2024 Flashcardo.com

pen cây bút	pencil bút chì	3% ba phần trăm
first thứ nhất	second 2nd thứ hai	third thứ ba
fourth thứ tư	result kết quả	square shape hình vuông
circle hình tròn	area diện tích	research nghiên cứu

degree bằng cấp	bachelor cử nhân	master thạc sĩ
x < y x nhỏ hơn y	x > y x lớn hơn y	stress áp lực
insurance bảo hiểm	staff nhân viên	department bộ phận
salary lương	address địa chỉ	letter post lá thư

captain thuyền trưởng	detective thám tử	pilot phi công
professor giáo sư	teacher giáo viên	lawyer luật sư
secretary thư ký	assistant trợ lý	judge thẩm phán
director business giám đốc	manager quản lý	cook đầu bếp

taxi driver tài xế taxi	bus driver tài xế xe buýt	criminal tội phạm
model người mẫu	artist nghệ sĩ	telephone number số điện thoại
signal of phone tín hiệu	app ứng dụng	chat trò chuyện
file tập tin	url url	e-mail address địa chỉ email

website trang mạng	e-mail thư điện tử	mobile phone điện thoại di động
law pháp luật	prison nhà tù	evidence chứng cớ
fine tiền phạt	witness nhân chứng	court tòa án
signature chữ ký	loss thua lỗ	profit lợi nhuận

customer khách hàng	amount số tiền	credit card thẻ tín dụng
password mật khẩu	cash machine máy rút tiền	swimming pool competition bể bơi
power điện	camera máy ảnh	radio đài radio
present gift quà tặng	bottle cái chai	bag cái túi

key chìa khóa	doll búp bê	angel thiên thần
comb lược	toothpaste kem đánh răng	toothbrush bàn chải đánh răng
shampoo dầu gội	cream pharmaceutical kem thoa	tissue khăn giấy
lipstick son môi	TV truyền hình	cinema rạp chiếu phim

© 2024 Flashcardo.com

news tin tức	seat ghế	ticket vé
screen cinema màn chiếu	music âm nhạc	stage sân khấu
audience khán giả	painting hội họa	joke trò đùa
article bài báo	newspaper báo chí	magazine tạp chí

advertisement quảng cáo	nature thiên nhiên	ash tro
fire general lửa	diamond kim cương	moon mặt trăng
earth Trái Đất	sun mặt trời	star ngôi sao
planet hành tinh	universe vũ trụ	coast bờ biển

lake hồ	forest rừng	desert dry place sa mạc
hill đồi núi	rock stone đá	river con sông
valley thung lũng	mountain núi	island đảo
ocean đại dương	sea biển	weather thời tiết

ice băng	snow tuyết	storm bão táp
rain mưa	wind gió	plant thực vật
tree cây	grass cỏ	rose hoa hồng
flower hoa	gas chất khí	metal kim loại

gold vàng	silver bạc	Silver is cheaper than gold Bạc rẻ hơn vàng
Gold is more expensive than silver Vàng đắt hơn bạc	holiday ngày lễ	member thành viên
hotel khách sạn	beach bờ biển	guest khách
birthday sinh nhật	Christmas Giáng sinh	New Year Năm Mới

Easter Lễ Phục sinh	uncle chú	aunt cô
grandmother paternal bà nội	grandfather paternal ông nội	grandmother maternal bà ngoại
grandfather maternal ông ngoại	death tử vong	grave phần mộ
divorce ly hôn	bride cô dâu	groom chú rể

101 một trăm linh một	105 một trăm linh năm	110 một trăm mười
151 một trăm năm mươi mốt	200 hai trăm	202 hai trăm linh hai
206 hai trăm linh sáu	220 hai trăm hai mươi	262 hai trăm sáu mươi hai
300 ba trăm	303 ba trăm linh ba	307 ba trăm linh bảy

330 ba trăm ba mươi	373 ba trăm bảy mươi ba	400 bốn trăm
404 bốn trăm linh bốn	408 bốn trăm linh tám	440 bốn trăm bốn mươi
484 bốn trăm tám mươi bốn	500 năm trăm	505 năm trăm linh năm
509 năm trăm linh chín	550 năm trăm năm mươi	595 năm trăm chín mươi lăm

600 sáu trăm	601 sáu trăm linh một	606 sáu trăm linh sáu
616 sáu trăm mười sáu	660 sáu trăm sáu mươi	700 bảy trăm
702 bảy trăm linh hai	707 bảy trăm linh bảy	727 bảy trăm hai mươi bảy
770 bảy trăm bảy mươi	800 tám trăm	803 tám trăm linh ba

808 tám trăm linh tám	838 tám trăm ba mươi tám	880 tám trăm tám mươi
900 chín trăm	904 chín trăm linh bốn	909 chín trăm linh chín
949 chín trăm bốn mươi chín	990 chín trăm chín mươi	tiger con hổ
mouse animal con chuột	rat con chuột cống	rabbit con thỏ

lion con sư tử	donkey con lừa	elephant con voi
bird con chim	cockerel con gà trống choai	pigeon con chim bồ câu
goose con ngỗng	insect côn trùng	bug con bọ
mosquito con muỗi	fly con ruồi	ant con kiến

© 2024 Flashcardo.com

whale con cá voi	shark con cá mập	dolphin con cá heo
snail con ốc sên	frog con ếch	often thường xuyên
immediately ngay lập tức	suddenly đột ngột	although mặc dù
gymnastics thể dục dụng cụ	tennis quần vợt	running chạy

© 2024 Flashcardo.com

cycling đạp xe	golf đánh golf	ice skating trượt băng
football bóng đá	basketball bóng rổ	swimming bơi lội
diving under the water lặn	hiking đi bộ đường dài	United Kingdom Vương quốc Anh
Spain Tây Ban Nha	Switzerland Thụy sĩ	Italy Ý

France Pháp	Germany Đức	Thailand Thái Lan
Singapore Singapore	Russia Nga	Japan Nhật Bản
Israel Israel	India Ấn Độ	China Trung Quốc
The United States of America Hoa Kỳ	Mexico Mexico	Canada Canada

Chile Chile	Brazil Brazil	Argentina Argentina
South Africa Nam Phi	Nigeria Nigeria	Morocco Ma Rốc
Libya Libya	Kenya Kenya	Algeria Algeria
Egypt Ai Cập	New Zealand New Zealand	Australia Úc

Africa Châu Phi	Europe Châu Âu	Asia Châu Á
America Châu Mỹ	quarter of an hour mười lăm phút	half an hour nửa tiếng
three quarters of an hour bốn mươi lăm phút	1:00 một giờ	2:05 hai giờ năm phút
3:10 ba giờ mười phút	4:15 bốn giờ mười lăm	5:20 năm giờ hai mươi

© 2024 Flashcardo.com

6:25 sáu giờ hai mươi năm	7:30 bảy giờ rưỡi	8:35 tám giờ ba mươi lăm
9:40 mười giờ kém hai mươi	10:45 mười một giờ kém mười năm	11:50 mười hai giờ kém mười
12:55 một giờ kém năm	one o'clock in the morning một giờ sáng	two o'clock in the afternoon hai giờ chiều
last week tuần trước	this week tuần này	next week tuần sau

last year năm ngoái	this year năm nay	next year năm sau
last month tháng trước	this month tháng này	next month tháng sau
2014-01-01 ngày một tháng một năm hai nghìn mười bốn	2003-02-25 ngày hai mươi lăm tháng hai năm hai nghìn linh ba	1988-04-12 ngày mười hai tháng tư năm một nghìn chín trăm tám mươi tám
1899-10-13 ngày mười ba tháng mười năm một nghìn tám trăm chín mươi chín	1907-09-30 ngày ba mươi tháng chín năm một nghìn chín trăm linh bảy	2000-12-12 ngày mười hai tháng mười hai năm hai nghìn

forehead trán	wrinkle nếp nhăn	chin cằm
cheek má	beard râu	eyelashes lông mi
eyebrow lông mày	waist eo	nape gáy
chest lồng ngực	thumb ngón cái	little finger ngón tay út

ring finger ngón tay đeo nhẫn	middle finger ngón tay giữa	index finger ngón tay trỏ
wrist cổ tay	fingernail móng tay	heel gót chân
spine xương sống	muscle cơ bắp	bone part of body xương
skeleton bộ xương	rib xương sườn	vertebra đốt sống

© 2024 Flashcardo.com

bladder bàng quang	vein tĩnh mạch	artery động mạch
vagina âm đạo	sperm tinh trùng	penis dương vật
testicle tinh hoàn	juicy mọng nước	hot spicy cay
salty mặn	raw sống	boiled luộc

shy nhút nhát	greedy tham lam	strict nghiêm khắc
deaf điếc		